



TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

Kì: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đỗ Thị Thu Thủy

HỌC PHẦN: Thủ Công - Kỹ thuật HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Kiểm Tra

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	7	9	8	9			8		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	8	9	7	9			8		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	8	9	9	8	9			9		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	9	9	8	10			9		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	8	8	8	9			8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	8	7	9	8	9			8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	8	9	8	10			9		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	8	9	9	8	9			9		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	8	9	8	9			9		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	0	0	0	0	0			0		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	9	8	8	9	10			9		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	8	9	8	9			9		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8	9	8	10			9		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	8	9	8	9			9		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	9	8	8	9			9		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	7	9	8	9			8		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	8	8	8	9			8		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	9	8	8	8	9			8		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	8	8	9	9			9		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	8	9	8	10			9		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	8	8	8	9			8		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	7	8	8	10			8		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	8	8	8	9			8		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	8	9	9	9			9		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	9	8	9	8	9			9		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC									
27	K18 - 291	Mâu Thị Phương	Linh	9	9	9	9	9			9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	8	8	8	10			9		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	9	8	8	8	9			8		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	9	9	8	9			9		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	9	8	8	8	9			8		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	10	8	8	10			9		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	8	7	9	8	10			8		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC									
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	8	9	9	10			9		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	8	8	8	10			9		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	0	0	0	0	0			0		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC									
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	9	9	9	8	9			9		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	9	8	8	9			9		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	8	8	9	7	9			8		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	8	8	8	9			8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thúy	9	8	9	8	10			9		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ		
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2			
					A1	A2	A3	A4	A5	A6					
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thùy	9	8	9	9	10			9				
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC											
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	9	8	9	8	9			9				
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC											
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trình	9	8	8	8	9			8				
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trình	8	8	9	8	9			8				
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	8	7	9	8	9			8				
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	8	9	9	7	9			8				
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	9	7	8	8	10			8				
54	K18 - 318	Trần Thị	Vĩnh	0	0	0	0	0			0		Bỏ học		
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	8	8	8	8	10			8				
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	8	7	9	8	9			8				
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	9	9	8	8	9			9				
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	8	9	8	10			9				
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	9	9	8	9			9				
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC											
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang												
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức												
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa												

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 Số sinh viên không được dự thi: 03 (274, 304, 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: /

Ngày 3 tháng 6 năm 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL


Đỗ Thị Thu Thủy


Đỗ Thị Thu Thủy


Nguyễn Văn Hợp

SỐ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

KÌ: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đỗ Thị Thu Thủy

HỌC PHẦN: Giáo dục hòa nhập HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Đm, Viết

[illegible]

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
			Đ CC	Đ. KTTX A1 A2		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh Phụng	9	7		8	7		7		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh Thanh	9	8		9	7		8		
41	K18 - 305	Hoàng Linh Thảo	8	8		8	6		7		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương Thảo	9	9		9	9		9		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh Thuý	9	9		9	8		8		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu Thủy	9	8		9	7		8		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền Trang	9	8		9	7		8		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt Trinh	9	8		9	4		6		
50	K18 - 314	Trần Bảo Trinh	8	8		8	7		7		
51	K18 - 315	Đặng Thị Tuyết	8	8		8	7		7		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị Tuyết	8	9		9	8		8		
53	K18 - 317	Vũ Thị Vân	9	7		8	7		7		
54	K18 - 318	Trần Thị Vịnh	0	0		0	0		0		Bỏ học
55	K18 - 319	Đỗ Thị Yên	8	8		8	6		7		
56	K18 - 320	Lưu Thị Yên	8	7		8	9		9		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải Yên	9	8		8	6		7		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị Yên	9	9		9	7		8		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải Yên	9	7		8	8		8		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 Số sinh viên không được dự thi: 03 (274, 301, 518)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0

Ngày 3 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL

Đỗ Thị Thu Thủy Đỗ Thị Thu Thủy

Lê Thị Bình

Đỗ Loan

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

KÌ: 15... KHÓA HỌC 2014 - 2017

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Vân Thương

HỌC PHẦN: NHẠC CỤ

HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thực hành

HỌC PHẦN				ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	5	7					7		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	7	6	7					7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	5	7					7		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	8	9					9		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	7	6					7		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	5	6					7		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	5	6					6		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	6	7					7		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	7	7					8		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/	/					/		Bỏ
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	9	5	5					6		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	6	5					7		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	5	7					7		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	7	7					8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	5	6					7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	7	5	5					6		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	5	6					7		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	5	9					7		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	7	8					8		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	7	9					8		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	6	6					7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	5	6					6		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	5	8					7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	5	6					7		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	8	7	8					8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC									
27	K18 - 291	Mâu Thị Phương	Linh	9	9	9					9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	6	6					7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8	5	7					7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	5	7					7		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	3	5	8					5		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	7	7					7		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	7	5	4					5		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC									
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	8	6	7					7		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	5	6					7		
37	K18 - 301	Lạc Thị	Phượng	/	/	/					/		Bỏ
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phượng	BỎ HỌC									
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	8	6	8					7		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	5	5					6		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	8	3	5					5		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	7	9					8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thúy	9	7	8					8		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN						ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1		L2
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thùy	9	7	7					8		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC									
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	8	7	6					7		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC									
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	6	6					7		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	9	5	6					7		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	6	8					8		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	9	6	9					8		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	8	5	7					7		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vĩnh	/	/	/					/		Bỏ
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yên	9	7	8					8		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yên	9	6	7					7		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yên	9	8	7					8		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yên	8	8	10					9		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yên	8	5	6					6		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC									
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang										
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức										
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa										

Ấn định danh sách lớp có: ⁵⁰~~53~~ sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: ⁵⁰..... Số sinh viên không được dự thi: ^{không}.....

Số lỗi sửa chữa ĐBP: ^{không}..... Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: ^{không}.....

Ngày 3 tháng 6 năm 2018

GIAO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL









Nguyễn Văn Thương Ngô Văn Thương

Nguyễn Hải Hiệp

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

KÌ: IV...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN:

Đào Thị Hồng Vân

HỌC PHẦN:

Vẽ tranh, tập nắn và tạo dáng

HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Kiểm tra

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	7	7					7		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	8	7					8		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	7	7	7					7		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	8	8	8					8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	8	7	7					7		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	8	8	8					8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	8	7					8		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	8	8	7					8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	7	7					7		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiên	\	\	\					\		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	8	8	7					8		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	8	7	7					7		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	7	8	8					8		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	8	8	7					8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	8	8	7					8		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	7	7	7					7		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	8	8	8					8		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	7	7	7					7		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	7	7	7					7		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	8	7					8		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	7	7	7					7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	7	7					7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	7	7					7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	7	8	7					7		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	6	7	7					7		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC									
27	K18 - 291	Mâu Thị Phương	Linh	8	8	8					8		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	8	8	8					8		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7	7	7					7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8	8	8					8		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	7	7	8					7		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	7	8					8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	8	8	8					8		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC									
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	8	8	8					8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	7	8	8					8		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	\	\	\					\		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC									
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	7	8	7					7		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	8	8					8		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	7	7	8					7		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8	8	7					8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thúy	7	8	8					8		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2		
					A1	A2	A3	A4	A5	A6				
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thùy	8	8	8					8			
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC										
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	6	7	7					7			
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC										
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	8	8	8					8			
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	8	7	7					7			
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	8	7	7					7			
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	7	8	8					8			
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	7	8	7					7			
54	K18 - 318	Trần Thị	Vĩnh	\	\	\					\		Bỏ học	
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yên	8	7	8					8			
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yên	7	8	8					8			
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yên	8	8	8					8			
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yên	7	8	8					8			
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yên	7	8	7					7			
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC										
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang											
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức											
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa											

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi:50..... Số sinh viên không được dự thi: 03 (SBD: 274, 301, 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP:0..... Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP:0.....

Ngày 3 tháng 6 năm 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL


Đào Thị Hồng Vân Đào Thị Hồng Vân


Nguyễn Hải Hiệp

K18 - GIÁO D
TRƯỜNG
VÀ TÊN GIẢNG
VĨNH PHÚC
PHÂN:.....

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

KÌ: IV KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Phạm Thị Thanh Huyền

HỌC PHẦN: PHDH Tự nhiên - xã hội HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi

[illegible]

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2		
					A1	A2							
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	9	7	8	8	7		7			
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	8	9	9	6		7			
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	7	7	8	7	6		6			
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	8	9	9	7		8			
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thúy	9	9	9	9	7		8			
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thùy	8	8	7	8	5		6			
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC									
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	7	7	9	8	5		6			
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC									
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	7	9	8	4		5			
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	9	8	9	9	5		6			
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	8	9	8	8	5		6			
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	9	9	9	9	9		9			
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	9	9	7	8	6		7			
54	K18 - 318	Trần Thị	Vĩnh	/	/	/	/	/		/		Bỏ học	
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	8	9	8	8	5		6			
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	9	8	9	9	8		8			
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	9	9	9	9	7		8			
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	8	9	9	1		4			
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	7	7	9	8	6		7			
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC									
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang										
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức										
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa										

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 Số sinh viên không được dự thi: 03 (274, 301, 318.)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 01 (293) Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: 0

Ngày 03 tháng 6 năm 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL

Phạm Thị Thanh Huyền

Phạm T.T. Huyền

Lê Hương Thảo

Nguyễn Hải Hiệp

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

KÌ: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIANG VIÊN: Quách Thị Kiều Trung

HỌC PHẦN: Đường lối CM của ĐCS Việt Nam HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN			ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1		L2
					A1	A2						
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	9	8	8	8	8	8			
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	8	8	8	7		7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	8	8	8	8		8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	10	9	9	9	8		8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	8	8	8	5		6		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	8	8	8	5		6		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	9	8	8	8	8		8	05/10/1994	
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	9	9	9	7		8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	8	8	8	8		8	29/10/1995	
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	9	9	9	9	9		9	Kết thúc	
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	8	8	8	8	7		7		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	10	8	9	9	7		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8	8	8	6		7		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	9	9	9	7		8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	8	8	8	8	7		7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	8	8	8	8	6		7		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	10	9	8	9	4		6		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	8	8	8	5		6		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	8	8	8	8	7		7		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	8	8	8	7		7		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	8	8	8	8	6		7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	8	8	8	6		7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	8	8	8	4		5		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	10	9	9	9	7		8		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	8	8	8	8	8		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mâu Thị Phương	Linh	10	9	9	9	9		9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	8	8	8	8	5		6		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8	8	8	8	6		7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8	8	8	8	6		7		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	8	8	8	8	1		3		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	8	8	8	6		7		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	8	8	8	8	7		7		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Văn	Oanh	10	9	8	9	8		8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	8	8	8	8	5		6		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	9	9	9	9	9		9	Kết thúc	
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	9	9	9	9	3		5		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	10	9	9	9	2		4		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	9	8	8	8	4		5		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	9	9	9	7		8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thúy	8	8	8	8	6		7		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8	8	8	6		7		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	8	8	8	8	1		3		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trình	8	8	8	8	3		5		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trình	9	9	9	9	7		8		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	9	9	9	5		6		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	10	9	9	9	6		7		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	8	8	8	8	7		7		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vĩnh	9	9	9	9	9		9		Cấm thi
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yên	8	8	8	8	5		6		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yên	8	8	8	8	5		6		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yên	10	9	8	9	1		4		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yên	9	9	9	9	2		4		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yên	8	8	8	8	2		4		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 Số sinh viên không được dự thi: 03 (274; 301; 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 01 (2927) Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: (K18 - 292)

Ngày 3 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHOA THÍ & KĐCL

Quách Thị Kiều Dung Nguyễn T. Kim Chung

Quách T. Kiều Dung

Nguyễn Hải Hiệp

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3

KÌ: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Mâu Thị Nguyệt Nga

HỌC PHẦN: Đại học Toán & TH

HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA:.....Thi

[illegible]

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ	
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2		
					A1	A2							
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	8	9	9	9	5		6			
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	9	9	9	3		5			
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	9	9	8	9	2		4			
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8	9	9	9	5		6			
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thúy	9	9	8	9	7		8			
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thùy	9	9	8	9	1		4			
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC									
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	8	9	9	9	3		5			
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC									
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trình	9	9	8	9	5		6			
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trình	8	9	9	9	5		6			
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	9	9	9	4		6			
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	10	10	9	10	7		8			
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	9	9	9	9	6		7			
54	K18 - 318	Trần Thị	Vĩnh	0	0	0	0	0		0		KĐRC	
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	9	9	9	9	2		4			
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	8	9	9	9	7		8			
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	10	10	9	10	6		7			
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	8	9	9	9	7		8			
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	9	8	9	3		5			
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC									
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang										
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức										
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa										

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50.....Số sinh viên không được dự thi: 03 (274, 301, 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: (01 SBD 322).....Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP: (01 SBD 320).....

Ngày 3 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

CB CHẤM THI 1

CB CHẤM THI 2

CB KIỂM TRA

TP KHẢO THÍ & KĐCL

Nga
Huân T. Nguyệt Nga

Ng P. Thảo

Thủy
Nguyễn Hải Hợp